

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2020/HS-PT

Ngày 17 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Tấn Đức

2. Ông Trương Công Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2020/TLPT-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Lê Quang S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST, ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Quang S**, sinh năm 1966, tại tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/10; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang M1 và bà Trần Thị M2 (đều đã chết); bị cáo có vợ là Trịnh Thị T, sinh năm 1971 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại - *Có mặt*.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, trong lúc Lê Quang S xây nhà cho ông Nguyễn Hữu C, thì ông C hỏi S có được hưởng chế độ gì của Nhà nước sau khi đi bộ đội về chưa, Lê Quang S trả lời không được hưởng chế độ gì do không đủ điều kiện thì ông C nói

“Mày xây nhà cho tao thì tao có thể làm hồ sơ Thương binh cho mày”. Nghe vậy, S đồng ý nên vào năm 2009 trong lúc về quê ông C đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện N liên hệ hỏi thủ tục làm chế độ hưởng trợ cấp chất độc màu da cam; sau đó có gặp ông Nguyễn Thanh H, qua trao đổi nội dung mua giấy tờ và xin số điện thoại, ông C về đã liên lạc qua điện thoại với ông H thoả thuận mua Giấy chứng nhận bị thương và Quyết định phục viên cho ông Lê Quang S. Được ông H đồng ý và nói ông C đến nhà ông Nguyễn Mạnh H1 để nhận giấy tờ đồng thời yêu cầu chuyển cho ông H số tiền 2.000.000 đồng theo sổ chứng minh nhân dân và địa chỉ của ông H cung cấp.

Ông C đã đến gặp ông Nguyễn Mạnh H1 và nhận được Giấy Chứng nhận bị thương số 2814/GCN ngày 10/5/1983 của Trung đoàn 335 do Trung tá Nguyễn Trường C1 ký, Quyết định phục viên số 11429/QĐ ngày 30/10/1985 của Trung đoàn 335 do Thiếu tá, Chính uỷ Nguyễn T1 ký cấp cho ông Lê Quang S sau đó chuyển số tiền 2.000.000 đồng cho ông H bằng bưu điện.

Sau khi có được các giấy tờ nêu trên, ông C đã viết giúp Bản khai cá nhân đề ngày 04/4/2009, Đơn xin giám định thương tật đề ngày 12/4/2009 mang tên Lê Quang S và giao lại cho ông S để ông S làm thủ tục xác nhận tại UBND xã E để nộp toàn bộ hồ sơ đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện C mục đích lập hồ sơ hưởng chế độ Thương binh; Lê Quang S được mời giám định thương tật tại Bệnh viện C thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk, sau đó nhận được hồ sơ và được hưởng chế độ Thương binh của Nhà nước, quá trình đi giám định thương tật tại Bệnh viện C thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk S đã trả cho ông C số tiền 3.000.000 đồng chi phí cho việc làm giúp hồ sơ Thương binh.

Theo thống kê của Phòng Lao động thương binh và Xã hội huyện C, tỉnh Đắk Lắk thì tổng số tiền đã chi trả chế độ trợ cấp thương binh đối với ông Lê Quang S là 91.102.000 đồng, trong đó tổng số tiền trợ cấp hàng tháng: 83.332.000 đồng; tiền quà Lễ, Tết: 4.750.000 đồng và tiền điều dưỡng: 3.020.000 đồng.

Hồ sơ hưởng chế độ thương binh của ông Lê Quang S gồm: Lê Quang S nhập ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam tháng 9/1982; xuất ngũ tháng 10/1985; bị thương ngày 22/4/1983 tại M, N, Viêng Chăn, Lào; Đơn vị khi bị thương: C18, E335, F324. Sau khi bị thương được điều trị tại Bệnh xá Sư đoàn 324 từ ngày 22/4/1983 - 20/5/1983 (Các vết thương: VT đầu; VT mắt cá chân phải; VT đầu gối cẳng chân phải; Bị cột sống; Bị sức ép nặng); được Trung đoàn 335 cấp Giấy Chứng nhận bị thương số 2814/GCN ngày 10/5/1983 do Trung tá Nguyễn Trường C1 ký; được Trung đoàn 335 cấp Quyết định phục viên số 11429/QĐ ngày 30/10/1985 do Thiếu tá, Chính uỷ Nguyễn T1 ký ban hành; Bản khai cá nhân lập ngày 04/4/2009 và đơn xin giám định thương tật ngày 12/4/2009 có xác nhận ngày 23/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã E; Biên bản đề nghị xác nhận Thương binh ngày 13/4/2009 của Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể xã E đối với Lê Quang S.

Quyết định số 62/QĐ-BTL ngày 25/01/2011 của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 về việc cấp Giấy Chứng nhận Thương binh số 107143/AQ-K5 và trợ cấp thương tật

đối với Lê Quang S kể từ ngày 01/9/2010; Phiếu Trợ cấp thương tật số 62/PTT ngày 10/02/2011 của Cục Chính trị Quân khu K; giấy Giới thiệu di chuyển hồ sơ và trợ cấp ưu đãi người có công số 570/GTUĐ ngày 28/02/2011 của Phòng Chính sách - Cục Chính trị Quân khu K đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk đối với Lê Quang S.

Kết quả xác minh tại các đơn vị liên quan thể hiện:

- Tại Công văn số 07/ĐTHS ngày 10/5/2016 của Cơ quan điều tra hình sự Quân khu 1 trả lời kết quả xác minh như sau: Tra cứu hồ sơ giải mã phiên hiệu các đơn vị thuộc Quân đoàn 26, Quân khu 1 (hiện đã giải thể), thời gian còn tồn tại không có đơn vị nào mang phiên hiệu Trung đoàn 82. Xác minh tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng, trong giai đoạn 1985 - 1990 có Đoàn 82 làm kinh tế trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng, đóng quân tại huyện P, tỉnh Cao Bằng. Tra cứu sổ sách đăng ký quân nhân xuất ngũ từ năm 1986 - 1990 của Đoàn 82, không thấy có ai tên Lê Quang S, sinh năm 1966, quê quán: huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Tại Công văn số 1501/CT-CS ngày 30/9/2015 của Phòng Chính trị Sư đoàn 324 - Quân khu A - Bộ Quốc phòng trả lời kết quả xác minh như sau:

+ Qua kiểm tra danh sách quân nhân phục viên, xuất ngũ của Trung đoàn 335 hiện đang được lưu trữ tại Ban Quân lực Sư đoàn 324 từ ngày 31/7/1985 - 4/1986 không có tên ông Lê Quang S. Trong danh sách đăng ký quân nhân bị thương của Trung đoàn 335 hiện đang được lưu trữ tại ngành Chính sách Sư đoàn từ năm 1982 đến năm 1985 không có tên ông Lê Quang S trong danh sách lưu của đơn vị.

+ Theo hồ sơ cán bộ còn lưu trữ và lịch sử Trung đoàn 335, từ tháng 7/1979 đến tháng 8/1983 đồng chí Nguyễn Trường C1, cấp bậc Thiếu tá, chức vụ Trung đoàn trưởng Trung đoàn 335; từ tháng 9/1983 đến tháng 3/1987 đồng chí Nguyễn Trường C1, cấp bậc Trung tá, chức vụ Trung đoàn trưởng Trung đoàn 335. Từ năm 1979 đến tháng 10/1983 đồng chí Nguyễn T1, cấp bậc Thiếu tá (Trung tá năm 1983), chức vụ Chính ủy Trung đoàn 335; từ tháng 11/1983 đồng chí Nguyễn T1 được cử sang làm Tuỳ viên Quân sự Đại sứ quán Việt Nam tại Lào, đồng chí Bùi Văn H2 được cấp trên bổ nhiệm làm Chính ủy Trung đoàn 335.

Quyết định phục viên số 11429 ngày 30/10/1985 do đồng chí Thiếu tá Nguyễn T1, chính ủy Trung đoàn 335 ký là không đúng, năm 1985 đồng chí Nguyễn T1 không còn công tác tại Trung đoàn 335. Giấy chứng nhận bị thương số 2814/GCN ngày 30/10/1983 do đồng chí Trung tá Nguyễn Trường C1 ký, không phải do Trung đoàn 335 cấp cho đối tượng, trong thời gian ngày 10/5/1983 đồng chí Nguyễn Trường C1, cấp bậc là Thiếu tá không phải Trung tá như trong Giấy chứng nhận bị thương cấp cho ông Lê Quang S. (BL 195).

- Tại Công văn trả lời kết quả xác minh số 831/BCH-ĐV ngày 30/9/2015 của Ban Chỉ huy Quân sự huyện T, tỉnh Nghệ An; và Biên bản làm việc ngày 22/12/2016 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin với Ban Chỉ

huy quân sự huyện T, xác định: Ông Lê Quang S sinh ngày 10/10/1966; Quê quán: Đội 3, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An; có bố là ông Lê Quang M1 trú tại Đội 3, xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An; Lê Quang S nhập ngũ ngày 05/9/1986; xuất ngũ tháng 8/1989; Đơn vị: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng; Đăng ký vào ngạch quân nhân dự bị hạng 1 ngày 24/11/1989, có tên trong sổ đăng kí quân nhân dự bị động viên và sổ đăng ký quân nhân phục viên lưu trữ tại bộ phận động viên tuyển quân thuộc Ban Chỉ huy Quân sự huyện T.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin tiến hành xác minh đối với 03 cá nhân: ông Nguyễn Văn X, ông Võ Xuân Y và ông Võ Văn L đều có tên trong sổ đăng ký quân nhân dự bị lưu trữ tại Ban Chỉ huy Quân sự xã C, huyện T, tỉnh Nghệ An ba cá nhân nêu trên đều trình bày: Thời gian cùng công tác từ tháng 9/1986 - 12/1986 thì bị cáo Lê Quang S không bị thương trong chiến đấu; từ tháng 12/1986 Lê Quang S chuyển công tác đến tỉnh Cao Bằng; về việc Lê Quang S có bị thương trong chiến đấu hay không thì các cá nhân nêu trên không biết.

Tại bản Kết luận giám định số 699/PC09 ngày 17/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện:

+ Hình dấu tròn có nội dung “QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 335” dưới mục “Thủ trưởng” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với hình dấu có cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “QUAN DOI NHAN DAN VIET NAM TRUNG DOAN 335” dưới mục “Thủ trưởng” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp đóng trực tiếp, không bị chỉnh sửa.

+ Phần chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp photocopy.

+ Không đủ cơ sở để xác định loại mực in Phần chữ in phôi trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1.

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Trường C1 dưới mục “Thủ trưởng Trung đoàn 335” trong tài liệu cần giám định A1 so với chữ ký mang tên Nguyễn Trường C1 trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người ký ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang S trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết mang tên Lê Quang S trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3, M4, M5, M6 là không phải do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Quang S trong tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ viết mang tên Nguyễn Hữu C trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7, M8, M9 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết mang tên Nguyễn Thanh H trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 là không phải do cùng một người viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Quang S phải chấp hành chung là **03 (ba) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng vụ án, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/5/2020, bị cáo Lê Quang S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Quang S giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên. Bị cáo cung cấp thêm chứng cứ là sổ khám bệnh, đơn thuốc và phiếu xét nghiệm mang tên Lê Quang S.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Quang S về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 là đảm bảo đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm 03 tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ là sổ khám bệnh, đơn thuốc và phiếu xét nghiệm mang tên Lê Quang S thể hiện bị cáo đang phải điều trị bệnh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng

cáo của bị cáo Lê Quang S; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt. Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Quang S phải chấp hành chung từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Quang S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Năm 2009, Lê Quang S đã lợi dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công với cách mạng, sử dụng giấy tờ giả làm hồ sơ thương binh để hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, sau khi hoàn tất hồ sơ và thực hiện các trình tự, thủ tục thì Lê Quang S được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk trợ cấp các chế độ thương binh, theo đó trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2015, bị cáo đã chiếm đoạt tổng 91.102.000 đồng của Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 139 BLHS và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 267 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Quang S 01 năm 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 năm 03 tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, Bản án chưa phân tích đánh giá nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo do bị đối tượng Nguyễn Hữu C khởi xướng, lôi kéo, rủ rê. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt của nhà nước, bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, trong các năm 2014 đến 2019 bị cáo được Ủy ban nhân dân xã tặng giấy khen đã có thành tích trong hoạt động tại địa phương, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm chứng cứ là sổ khám bệnh, đơn

thuốc và phiếu xét nghiệm mang tên Lê Quang S hiện đang điều trị các bệnh mãn tính. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS và áp dụng thêm Điều 54 của BLHS để quyết định dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội là phù hợp.

[3]. Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang S; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2020/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2]. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của BLHS, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS, Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017: Xử phạt bị cáo Lê Quang S 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS: Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Quang S phải chấp hành chung 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Quang S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền